

**BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2022-2023)**

**LỚP K16A-D4B (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)**

| TT | Mã số    | Họ và tên          | Ngày sinh  | GDQP | Số Đvht :   |         |       |      |     |     | ĐTB        | Xếp loại | Kết quả rèn luyện | Các MH/MĐ thi lại<br>(Stt MH/MĐ : Thi L1) |
|----|----------|--------------------|------------|------|-------------|---------|-------|------|-----|-----|------------|----------|-------------------|-------------------------------------------|
|    |          |                    |            |      | Số thứ tự : | (1)     | (2)   | (3)  | (4) | (5) | (6)        |          |                   |                                           |
|    |          |                    |            |      | LT          | SH - DT | HĐCVC | GDPL | CT  |     |            |          |                   |                                           |
| 1  | 16011035 | Đỗ Thị Năng        | 27/02/2004 |      | 8.6         | 7.7     | 8.5   | 6.3  | 8.2 | 7.9 | Khá        |          |                   |                                           |
| 2  | 16011038 | Lê Thảo Ngọc       | 30/01/2004 |      | 7.1         | 6.6     | 7.1   | 0.0  | 7.4 | 5.9 | Trung bình |          |                   | 1=20.0%(5:0)                              |
| 3  | 16011040 | Nguyễn Thị Hoài    | 04/09/2002 |      | 7.7         | 7.2     | 4.0   | 0.0  | 7.5 | 5.3 | Trung bình |          |                   | 2=40.0%(5:0)                              |
| 4  | 16011041 | Vũ Thị Nhi         | 13/03/2004 |      | 2.4         | 0.0     | 0.0   | 0.0  | 0.0 | 0.2 | Yếu        |          |                   | 5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)              |
| 5  | 16011032 | Vì Thị Oánh        | 25/06/2004 |      | 7.1         | 7.2     | 8.4   | 7.3  | 7.0 | 7.4 | Khá        |          |                   |                                           |
| 6  | 16011034 | Đại Bá Phú         | 01/02/2004 |      | 0.0         | 0.0     | 4.2   | 2.3  | 2.0 | 2.1 | Yếu        |          |                   | 5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)              |
| 7  | 16011027 | Hoàng Tú Phương    | 26/07/2004 |      | 6.3         | 6.3     | 3.7   | 5.4  | 6.7 | 5.6 | Trung bình |          |                   | 1=20.0%                                   |
| 8  | 16011025 | Khoàng Đại Quang   | 02/03/2004 |      | 0.0         | 0.0     | 0.0   | 3.1  | 0.0 | 0.5 | Yếu        |          |                   | 5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)              |
| 9  | 16011020 | Lê Thị Diễm Quỳnh  | 24/01/2004 |      | 7.6         | 7.3     | 3.7   | 5.9  | 6.0 | 5.8 | Trung bình |          |                   | 1=20.0%                                   |
| 10 | 16011035 | Lê Xuân Sơn        | 04/07/2004 |      | 0.0         | 0.0     | 0.0   | 0.0  | 0.0 | 0.0 | Yếu        |          |                   | 5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)              |
| 11 | 16011040 | Nguyễn Hồng Sơn    | 05/03/1999 |      | 8.9         | 7.1     | 3.9   | 0.0  | 7.8 | 5.5 | Trung bình |          |                   | 2=40.0%(5:0)                              |
| 12 | 16011033 | Pờ Ha Sừ           | 14/04/2004 |      | 2.3         | 2.7     | 5.8   | 3.1  | 3.4 | 3.7 | Yếu        |          |                   | 4=80.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)               |
| 13 | 16011031 | Nguyễn Thị Thanh   | 27/02/2004 |      | 9.6         | 8.0     | 8.7   | 6.2  | 8.2 | 8.1 | Giỏi       |          |                   |                                           |
| 14 | 16011033 | Nguyễn Văn Minh    | 31/12/1997 |      | 7.3         | 7.5     | 8.6   | 6.1  | 8.4 | 7.8 | Khá        |          |                   |                                           |
| 15 | 16011034 | Đặng Thị Thiên     | 10/08/2004 |      | 7.8         | 7.6     | 8.7   | 5.8  | 8.7 | 8.0 | Giỏi       |          |                   |                                           |
| 16 | 16011029 | Nguyễn Ngọc Thương | 11/01/2004 |      | 5.0         | 2.0     | 8.2   | 5.8  | 7.5 | 6.3 | T.bình khá |          |                   | 1=20.0%(3:0)                              |
| 17 | 16011031 | Khiếu Thị Thúy     | 21/03/2004 |      | 5.7         | 6.1     | 7.9   | 5.9  | 8.1 | 7.2 | Khá        |          |                   |                                           |
| 18 | 16011021 | Nguyễn Văn Trà     | 25/06/2004 |      | 0.0         | 0.0     | 0.0   | 0.0  | 0.0 | 0.0 | Yếu        |          |                   | 5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)              |
| 19 | 16011027 | Xa Thị Thuý        | 06/11/2004 |      | 5.6         | 6.4     | 7.6   | 6.3  | 6.4 | 6.6 | T.bình khá |          |                   |                                           |

|    |          |                   |        | Số Đvht :   | 3    | 1   | 2       | 3     | 2    | 4   |     |            |                   |                                           |
|----|----------|-------------------|--------|-------------|------|-----|---------|-------|------|-----|-----|------------|-------------------|-------------------------------------------|
|    |          |                   |        | Số thứ tự : | (1)  | (2) | (3)     | (4)   | (5)  | (6) |     |            |                   |                                           |
| TT | Mã số    | Họ và tên         |        | Ngày sinh   | GDQP | LT  | SH - DT | HĐCVC | GDPL | CT  | ĐTB | Xếp loại   | Kết quả rèn luyện | Các MH/MĐ thi lại<br>(Stt MH/MĐ : Thi L1) |
| 20 | 16011040 | Nguyễn Thị Quỳnh  | Trang  | 18/04/2003  |      | 5.1 | 6.7     | 4.3   | 0.0  | 8.4 | 5.4 | Trung bình |                   | 2=40.0%(5:0)                              |
| 21 | 16011006 | Dương Nam         | Trường | 27/08/2001  |      | 0.0 | 0.0     | 0.0   | 0.0  | 6.0 | 2.0 | Yếu        |                   | 4=80.0%(2:0)(3:0)(5:0)                    |
| 22 | 16011022 | Bùi Anh           | Tuấn   | 25/11/2004  |      | 5.4 | 1.7     | 8.5   | 7.5  | 6.1 | 6.1 | T.bình khá |                   | 1=20.0%(3:0)                              |
| 23 | 16011040 | Lê Chí            | Tuấn   | 26/10/2003  |      | 5.9 | 6.4     | 3.9   | 0.0  | 7.2 | 4.9 | Yếu        |                   | 2=40.0%(5:0)                              |
| 24 | 16011032 | Nguyễn Thị        | Tuyết  | 20/06/2004  |      | 7.2 | 7.3     | 8.2   | 7.0  | 7.8 | 7.6 | Khá        |                   |                                           |
| 25 | 16011020 | Nguyễn Thị Cẩm    | Vân    | 14/11/2004  |      | 0.0 | 0.0     | 0.0   | 0.0  | 0.0 | 0.0 | Yếu        |                   | 5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)              |
| 26 | 16011034 | Nguyễn Khánh      | Vân    | 30/08/2004  |      | 5.4 | 7.3     | 8.2   | 6.5  | 8.5 | 7.6 | Khá        |                   |                                           |
| 27 | 16011032 | Tạ Thị Hà         | Vi     | 05/11/2004  |      | 7.0 | 7.7     | 8.1   | 7.3  | 7.6 | 7.6 | Khá        |                   |                                           |
| 28 | 16011036 | Nguyễn Đức        | Việt   | 01/03/2004  |      | 3.6 | 7.0     | 8.0   | 2.8  | 2.0 | 4.6 | Yếu        |                   | 3=60.0%(2:6)(5:0)(6:0)                    |
| 29 | 16011027 | Nguyễn Huy        | Vũ     | 16/06/2000  |      | 0.0 | 0.0     | 0.0   | 0.0  | 0.0 | 0.0 | Yếu        |                   | 5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)              |
| 30 | 16011038 | Nguyễn Mạnh Hoàng | Tùng   | 18/01/2004  |      | 0.0 | 0.0     | 0.0   | 0.0  | 0.0 | 0.0 | Yếu        |                   | 5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)              |

**Xếp loại học tập:** Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 2 (6.7%), Khá: 7 (23.3%), T.bình khá: 3 (10.0%), Trung bình: 6 (20.0%), Yếu: 12 (40.0%),  
**Xếp loại rèn luyện:** Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**TPHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Lê Thanh Sơn**

**Ghi chú:**

(1) GDQP: GDQP  
(5) GDPL: GDPL

(2) LT: LATIN  
(6) CT: CHÍNH TRỊ

(3) SH - DT: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN

(4) HĐCVC: HÓA ĐẠI CƯƠNG VÔ CƠ